

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II, TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THANH HÓA NĂM 2025**

(Kèm theo Thông báo số 700/QĐ-BVPS ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng xét thăng hạng CDNN viên chức)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I	Thăng hạng từ Điều dưỡng hạng IV lên Điều dưỡng hạng III: 50 người																
1	Hoàng Minh Khoa	28/08/1990	x		Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh trình độ B	HTXS		V.08.05.12	
2	Lê Thị Hiền	20/04/1986		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	12 năm 5 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Tin học văn phòng B	Tiếng Anh B	HTXS		V.08.05.12	
3	Vũ Thị Hải	27/10/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	



TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
4	Nguyễn Thị Nguyệt	30/08/1988		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.05.12	
5	Nguyễn Văn Đồng	19/11/1988	x		Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
6	Nguyễn Thị Hằng	23/02/1975		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	18 năm 7 tháng	4,89	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTXS		V.08.05.12	
7	Nguyễn Thị Ngát	19/07/1981		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
8	Mai Thị Dung	12/04/1982		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	13 năm 5 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
9	Nguyễn Thị Hồng	06/06/1982		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	17 năm 5 tháng	3,96	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
10	Nguyễn Thị Quỳnh	02/03/1983		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Tin học văn phòng B	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
11	Đỗ Thị Nga	02/04/1983		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	12 năm 2 tháng	3,65	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.05.12	
12	Phạm Thị Oanh	17/10/1983		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	13 năm 5 tháng	3,65	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
13	Trịnh Thị Thu Phương	24/02/1984		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	13 năm 5 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
14	Nguyễn Thị Bình	19/05/1987		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	12 năm 5 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh Bậc 2	HTT		V.08.05.12	
15	Chu Thị Thanh Loan	21/03/1988		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Tin học văn phòng B	Tiếng Anh B	HTT		V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
16	Đỗ Thị Hồng Thanh	03/03/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
17	Lê Thị Thủy	10/05/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
18	Trần Thị Nga	29/05/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
19	Nguyễn Thị Dung	22/06/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.05.12	
20	Lê Thị Nguyên	20/09/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
21	Đỗ Thị Thảo	30/10/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
22	Nguyễn Thị Thu Trang	30/10/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
23	Vương Thu Chính	15/02/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.05.12	
24	Nguyễn Thị Thanh Loan	05/03/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.05.12	
25	Lê Thị Quỳnh	06/05/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.05.12	
26	Dương Thị Mai	03/08/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.05.12	
27	Bùi Thị Duyên	10/08/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
28	Nguyễn Thị Dung	16/08/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEIC	HTT		V.08.05.12	
29	Nguyễn Thị Phương	05/09/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
30	Trịnh Thị Phượng	22/10/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
31	Trịnh Thị Lam	27/11/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.05.12	
32	Tổng Phương Linh	23/12/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
33	Nguyễn Thị Chung	04/04/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
34	Nguyễn Thị Thúy	12/04/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
35	Đỗ Thị Minh Thúy	16/06/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
36	Lê Thị Lan Anh	15/08/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
37	Mai Thị Dung	16/10/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
38	Nguyễn Thị Dung	20/11/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
39	Hồ Thị Trang	02/12/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
40	Lê Thị Minh Anh	09/12/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
41	Lê Thanh Hằng	11/12/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
42	Lê Thị Nhân	03/02/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
43	Hoàng Thị Bích	26/02/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
44	Nguyễn Thị Thắm	14/03/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 5 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh Bậc 2	HTT		V.08.05.12	
45	Doãn Thị Nga	20/04/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
46	Trần Thị Tâm	27/05/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.05.12	
47	Trịnh Thị Thi	12/06/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.05.12	
48	Lê Thị Tuyền	30/06/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.05.12	
49	Nguyễn Thị Thu	17/07/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.05.12	
50	Dương Thị Lan	01/08/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.05.12	
II	Thăng hạng từ Kỹ thuật y hạng IV lên Kỹ thuật y hạng III: 05 người																
1	Nguyễn Anh Hoa	10/10/1987		x	Kinh	Kỹ thuật y hạng IV	12 năm 5 tháng	3,34	V.08.07.19	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Có GPHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.07.18	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
2	Nguyễn Thị Hải	01/06/1989		x	Kinh	Kỹ thuật y hạng IV	5 năm 7 tháng	3,03	V.08.07.19	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Có GPHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.07.18	
3	Ngũ Thị Thiên Lý	20/08/1991		x	Kinh	Kỹ thuật y hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.07.19	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Có GPHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.07.18	
4	Lê Thị Huyền	18/12/1991		x	Kinh	Kỹ thuật y hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.07.19	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Có GPHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.07.18	
5	Nguyễn Thị Xuân	02/06/1993		x	Kinh	Kỹ thuật y hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.07.19	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Có GPHN KCB	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.07.18	
III	Thăng hạng từ Được hạng IV lên Được sĩ (hạng III): 06 người																
1	Đỗ Thị Hoài Thu	04/08/1974		x	Kinh	Được hạng IV	27 năm 5 tháng	4,58	V.08.08.23	Được sĩ	Có CCHN Được	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT	x	V.08.08.22	
2	Nguyễn Thị Hoa	26/08/1973		x	Kinh	Được hạng IV	25 năm 1 tháng	4,27	V.08.08.23	Được sĩ	Có CCHN Được	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.08.22	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
3	Lê Thị Bích Hằng	25/10/1979		x	Kinh	Dược hạng IV	17 năm 11 tháng	3,96	V.08.08.23	Dược sĩ	Có CCHN Dược	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.08.22	
4	Nguyễn Thị Mận	25/05/1983		x	Kinh	Dược hạng IV	12 năm 5 tháng	3,34	V.08.08.23	Dược sĩ	Có CCHN Dược	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.08.22	
5	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	09/09/1985		x	Kinh	Dược hạng IV	12 năm 5 tháng	3,34	V.08.08.23	Dược sĩ	Có CCHN Dược	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTT		V.08.08.22	
6	Phan Thị Nga	17/03/1992		x	Kinh	Dược hạng IV	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.08.23	Dược sĩ	Có CCHN Dược	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh A2	HTT		V.08.08.22	
IV	Thăng hạng từ Bác sĩ hạng III lên Bác sĩ chính (hạng II): 12 người																
1	Cao Thị Dung	08/03/1983		x	Kinh	Bác sĩ hạng III	13 năm 7 tháng	3,99	V.08.01.03	Thạc sỹ y học	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	Ứng dụng CNTT CB	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	HTXS	x	V.08.01.02	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
2	Lê Kim Hường	17/11/1977	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	17 năm 1 tháng	4,32	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	Tin học trình độ B	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	HTXS	x	V.08.01.02	
3	Nguyễn Văn Đồng	10/10/1986	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	13 năm 7 tháng	3,66	V.08.01.03	Thạc sỹ y học	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	Tin học trình độ B	Tiếng Anh C	HTXS	x	V.08.01.02	
4	Trần Thị Nhung	08/05/1982		x	Kinh	Bác sĩ hạng III	13 năm 7 tháng	3,99	V.08.01.03	Bác sĩ CKII	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	Ứng dụng CNTT CB	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	HTXS	x	V.08.01.02	
5	Trịnh Thị Hồng Huê	13/12/1983		x	Kinh	Bác sĩ hạng III	13 năm 7 tháng	3,99	V.08.01.03	Bác sĩ CKII	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	Tin học trình độ B	Tiếng Anh C	HTXS	x	V.08.01.02	
6	Trương Ngọc Thiên	20/11/1970	x		Mường	Bác sĩ hạng III	19 năm 6 tháng	4,65	V.08.01.03	Bác sĩ CKII	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng anh B	HTXS	x	V.08.01.02	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
7	Bùi Văn Dũng	14/05/1979	x		Mường	Bác sĩ hạng III	17 năm 8 tháng	4,32	V.08.01.03	Bác sĩ CKII	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	Tin học Văn phòng trình độ B	Tiếng Anh C	HTXS	x	V.08.01.02	
8	Nguyễn Đình Quảng	05/03/1986	x		Mường	Bác sĩ hạng III	11 năm	3,66	V.08.01.03	Thạc sỹ y học	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	Ứng dụng CNTT CB	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	HTXS	x	V.08.01.02	
9	Trần Văn Chung	27/03/1969	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	16 năm 3 tháng	4,32	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh Bậc 3	HTXS	x	V.08.01.02	
10	Lê Đức Sơn	12/09/1979	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	19 năm 11 tháng	4,65	V.08.01.03	Bác sĩ CKII	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng anh B	HTXS	x	V.08.01.02	
11	Trương Văn Tuyên	19/12/1980	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	19 năm 2 tháng	4,32	V.08.01.03	Thạc sỹ sản phụ khoa	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh B1	HTXS	x	V.08.01.02	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
12	Trần Võ Lâm	12/11/1981	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	13 năm 7 tháng	3,66	V.08.01.03	Bác sĩ CKII	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTXS	x	V.08.01.02	
V	Thăng hạng từ Điều dưỡng hạng III lên Điều dưỡng hạng II: 02 người																
1	Lê Thị Cẩm Tú	19/04/1988		x	Kinh	Điều dưỡng hạng III	13 năm 7 tháng	3,99	V.08.05.12	Điều dưỡng CKI sản phụ khoa	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Điều dưỡng hạng II	Tin học A	Tiếng Anh C	HTXS	x	V.08.05.11	
2	Lê Thị Hợp	04/09/1982		x	Kinh	Điều dưỡng hạng III	12 năm 2 tháng	4,65	V.08.05.12	Điều dưỡng CKI sản phụ khoa	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Điều dưỡng hạng II	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh TOEFL ITP	HTXS	x	V.08.05.11	
VI	Thăng hạng từ Dược sĩ (hạng III) lên Dược sĩ chính (hạng II): 01 người																
1	Lê Thị Thanh Giang	04/11/1987		x	Kinh	Dược sĩ hạng III	13 năm 7 tháng	3,66	V.08.08.22	Dược sĩ CKI	Có CC HN Dược; CC bồi dưỡng CDNN Dược sỹ chính	Ứng dụng CNTT CB	Tiếng Anh B	HTXS	x	V.08.08.21	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
VII	Thăng hạng từ Kế toán viên (hạng III) lên Kế toán viên chính (hạng II): 01 người																
1	Hoàng Thị Hồng Thủy	10/04/1985		x	Kinh	Kế toán viên	13 năm 7 tháng	3,99	06.031	Thạc sỹ kinh tế	Có Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng, Chứng chỉ bồi dưỡng ngạch Kế toán viên chính	Tin học trình độ B	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	HTXS	x	06.030	

Danh sách này có 77 người

Thanh

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 8 năm 2025
TM. HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



TRƯỞNG PHÒNG TCCB
Vũ Thị Phương